

DANH SÁCH THẺ CÁC NGÂN HÀNG CÓ THẺ CHUYỂN HOẶC NHẬN TIỀN CHUYỂN LIÊN NGÂN HÀNG

(Cập nhật đến 16/01/2012)

STT	NGÂN HÀNG	VIẾT TẮT	06 SỐ ĐẦU CỦA THẺ	LOẠI THẺ
I. Chuyển tiền đi:				
1	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	EIB	Chuyển tiền từ tài khoản	
2	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VCB	686868	Thẻ ghi nợ nội địa Connect24
			97043668	
			97043666	Thẻ ghi nợ quốc tế Connect24 MasterCard Debit
			526418	
			428310	Thẻ ghi nợ quốc tế Connect24 Visa Debit
3	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB	970416	Thẻ ghi nợ nội địa 365 Styles
4	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB	970403	Thẻ ghi nợ PastpostPlus
			429418	Thẻ ghi nợ Sacombank Visa
5	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB	Chuyển tiền từ tài khoản	
6	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	SHB	Chuyển tiền từ tài khoản	
7	Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP HCM -HDBank	HDB	Chuyển tiền từ tài khoản	
8	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB	Chuyển tiền từ tài khoản	
9	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPBank	970432	Thẻ ghi nợ nội địa
			981957	
			520395	Thẻ ghi nợ quốc tế MC2 Debit
			521377	Thẻ ghi nợ quốc tế Platinum Debit
			528626	Thẻ ghi nợ quốc tế E-card
			Chuyển tiền từ tài khoản	
10	Ngân hàng dầu khí toàn cầu	GPBank	970408	Thẻ ghi nợ nội địa GPB (Mai Xanh, Vàng, Bạch kim, Trúc - liên kết)
II. Nhận tiền chuyển đến:				
1	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	EIB	97043100	Thẻ ghi nợ nội địa V-TOP
			97043139	Thẻ ghi nợ nội địa V-TOP VIP
			97043199	Thẻ Best Carings
			97043149	Thẻ EXIMBANK- C&T
			97043148	Thẻ EXIMBANK- ĐH Duy Tân
			97043147	Thẻ E-MAXIMARK
			97043146	Thẻ EXIMBANK - CITIMART

	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (tiếp)	EIB	97043145	Thẻ EXIMBANK - Dũng vân
			97043144	Thẻ EXIMBANK - Thiên Hòa
			97043143	Thẻ EXIMBANK - Trung cấp DakLak
			97043142	Thẻ EXIMBANK - ĐH Huế
			97043141	Thẻ EXIMBANK - Daiichi
			97043140	Thẻ EXIMBANK - Thủy Mộc
			97043138	Thẻ EXIMBANK - Thuận Thành
			97043137	Thẻ EXIMBANK - TOKYO
			97043136	Thẻ EXIMBANK - Mai Linh
			97043135	Thẻ EXIMBANK - Viễn Thông A
			97043134	Thẻ EXIMBANK - Quảng Long
			97043133	Thẻ EXIMBANK - Sen Vàng
			97043132	Thẻ EXIMBANK - ĐH Kinh Tế Huế
			97043131	Thẻ EXIMBANK - CĐ Sư phạm Huế
			970431xx	Thẻ nội địa Eximbank khác
2	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VCB	686868	Thẻ ghi nợ nội địa Connect24
			97043668	
			97043666	
			526418	Thẻ ghi nợ quốc tế Connect24 MasterCard Debit
			428310	Thẻ ghi nợ quốc tế Connect24 Visa Debit
3	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB	970416	Thẻ ghi nợ nội địa 365 Styles
4	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB	422151	Thẻ ghi nợ Sacombank Visa
			429418	Thẻ ghi nợ Sacombank Visa
			436361	Thẻ tín dụng Citimart
			436438	Thẻ tín dụng Visa Platinum
			436445	Thẻ trả trước All For You
			462881	Thẻ tín dụng OS Member
			464932	Thẻ tín dụng Parkson
			467964	Thẻ trả trước Lucky Gift
			469654	Thẻ ghi nợ Sacombank Imperial Visa Platinum
			472074	Thẻ tín dụng Sacombank Visa
			472075	Thẻ tín dụng Sacombank Visa
			486265	Thẻ tín dụng Ladies First
			512341	Thẻ tín dụng Sacombank MasterCard
			526830	Thẻ tín dụng Sacombank MasterCard
			620009	Thẻ trả trước Sacombank UnionPay
			621055	Thẻ ghi nợ Sacombank UnionPay
			625002	Thẻ tín dụng Sacombank UnionPay
			970403	Thẻ ghi nợ PassportPlus, Thẻ trả trước Vinamilk, Thẻ ghi nợ VTA Club, Thẻ tín dụng Family
5	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB	970423	Thẻ ghi nợ nội địa TiênPhong Bank
6	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	SHB	970443	Thẻ ghi nợ Solid

7	Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP HCM -HDBank	HDB	970437	Thẻ ghi nợ nội địa HDBank
8	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB	970422	Thẻ Active Plus, Thẻ MB Private/MB VIP, Thẻ BankPlus, Thẻ sinh viên
9	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB	970432	Thẻ ghi nợ nội địa
			981957	
			520395	Thẻ ghi nợ quốc tế MC2 Debit
			520399	Thẻ tín dụng quốc tế MC2 Credit
			521377	Thẻ ghi nợ quốc tế Platinum Debit
			524394	Thẻ tín dụng quốc tế Platinum Credit
			528626	Thẻ ghi nợ quốc tế E-card
10	Ngân hàng dầu khí toàn cầu	GPBank	970408	Thẻ ghi nợ nội địa GPB (Mai Xanh, Vàng, Bạch kim, Trúc - liên kết)